

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 25 – 4 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Hưởng**
2. Ông **Trần Thanh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số E Khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quốc T và chị Trần Kim C; Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Vào khoảng đầu tháng 5 năm 2016, anh N có cho vợ chồng anh T và chị C vay tiền hai lần, lần thứ nhất cho vay số tiền 70.000.000 đồng, lần thứ hai cho vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, đóng lãi hàng tháng, thời hạn thanh toán gốc là trong vòng một tháng, việc cho vay hai bên chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ. Anh N đã giao tiền trực tiếp cho vợ chồng anh T và chị C nhận đủ số tiền là 110.000.000 đồng. Sau khi vay anh T và chị C có trả cho anh N

số tiền gốc là 48.000.000 đồng thì ngưng không thanh toán, anh N có đến gặp anh T và chị C để đòi nhiều lần nhưng không trả.

Đến ngày 18/4/2021, do vợ chồng anh T và chị C đã hứa hẹn nhiều lần mà không thanh toán nên anh N có đến nhà gặp anh T và chị C để yêu cầu trả tiền thì hai bên mới chốt lại số tiền mà vợ chồng anh T và chị C còn nợ anh N. Hai bên làm Giấy mượn tiền đề ngày 18/4/2021 do anh N viết, anh N ký tên bên cho mượn tiền, anh T và chị C ký tên bên mượn tiền, lập hai bản chính mỗi bên giữ một bản, hai bên thống nhất tổng số tiền anh T và chị C còn nợ anh N là 160.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 62.000.000 đồng, tiền lãi là 98.000.000 đồng) tính đến ngày 18/4/2021, không tính lãi nữa và thỏa thuận trong vòng một tháng anh T và chị C phải trả lại cho anh N số tiền 160.000.000 đồng. Nhưng sau một tháng anh T và chị C không thực hiện trả tiền cho anh N như thỏa thuận nên anh N có đến đòi nhiều lần thì đến ngày 07/8/2022 âm lịch, anh T và chị C có trả cho anh N được số tiền lãi là 57.300.000 đồng. Sau đó anh N tiếp tục đến đòi nhiều lần thì đến ngày 08/5/2023 dương lịch, anh T và chị C có trả cho anh N được số tiền lãi là 3.000.000 đồng. Từ đó đến nay anh N cũng nhiều lần đến đòi nhưng anh T và chị C không trả thêm được khoản nào khác.

Nay anh N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Trần Quốc T và chị Trần Kim C phải trả cho anh N số tiền vay còn nợ là 99.700.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra anh N không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Trần Quốc T và chị Trần Kim C đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh N. Buộc anh T và chị C có nghĩa vụ trả cho anh N số tiền vay gốc là 60.566.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N số tiền 39.134.000 đồng.

Về án phí: Anh T và chị C phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Anh N phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh N khởi kiện yêu cầu anh T và chị C trả tiền vay, anh T và chị C đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh T và chị C đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh T và chị C là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Anh N xác định vào đầu tháng 5 năm 2016 có cho vợ chồng anh T và chị C vay tiền tổng số tiền 110.000.000 đồng, việc cho vay hai bên chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ. Sau khi vay anh T và chị C có trả số tiền gốc là 48.000.000 đồng thì ngưng không thanh toán. Đến ngày 18/4/2021, hai bên mới chốt lại số tiền mà vợ chồng anh T và chị C còn nợ, hai bên làm Giấy mượn tiền đề ngày 18/4/2021 thống nhất tổng số tiền anh T và chị C còn nợ anh N là 160.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 62.000.000 đồng, tiền lãi là 98.000.000 đồng). Đến ngày 07/8/2022 âm lịch, anh T và chị C có trả cho anh N được số tiền lãi 57.300.000 đồng và ngày 08/5/2023 dương lịch trả được số tiền lãi 3.000.000 đồng, còn nợ lại anh N số tiền 99.700.000 đồng đến nay không thanh toán nên anh N khởi kiện yêu cầu anh T và chị C trả nợ.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh N cung cấp bản chính Giấy mượn tiền đề ngày 18/4/2021 có anh T và chị C ký tên bên mượn tiền. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, anh T và chị C đã được Tòa án thông báo về việc anh N khởi kiện, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho anh T và chị C nhiều lần nhưng nhận văn bản mà không đến Tòa án, cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của anh N. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Từ đó cho thấy, việc anh T và chị C có vay tiền của anh N và hiện vẫn còn nợ tiền anh N là thực tế có xảy ra. Do đó, anh N khởi kiện yêu cầu anh T và chị C trả tiền là có căn cứ.

[5] Xét yêu cầu tính lãi: Anh N xác định khi vay tiền hai bên có thoả thuận lãi suất 4%/tháng. Xét thấy, hai bên thoả thuận lãi suất 4%/tháng là cao hơn quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Tại phiên toà, anh N yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi theo quy định đối với số tiền gốc còn nợ là 62.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày vay tiền là ngày 01/5/2016 đến ngày hai bên chốt nợ là ngày 18/4/2021 là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo từng thời kỳ: Từ ngày 01/5/2016 đến ngày 31/12/2016 áp dụng Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 với mức lãi suất 13,5%/năm, thời gian 08 tháng trên số tiền gốc 62.000.000 đồng thì tiền lãi là 5.580.000 đồng. Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 18/4/2021 áp dụng Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 với lãi suất 20%/năm, thời gian 04 năm 03 tháng 17 ngày trên số tiền gốc 62.000.000 đồng thì tiền lãi là 53.286.000đ. Tổng cộng tiền lãi là 58.866.000 đồng. Anh N thừa nhận sau khi chốt nợ, anh T và chị C có trả cho anh N được số tiền lãi là 60.300.000 đồng. Do số tiền anh T và chị C đã trả cho anh N cao hơn số tiền lãi phải trả theo quy định pháp nên được đối trừ lại. Sau khi trừ số tiền lãi phải trả thì số tiền còn dư lại là 1.434.000 đồng được đối trừ vào số tiền gốc 62.000.000 đồng theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Như vậy, sau khi đối trừ anh T và chị C còn phải trả cho anh N số tiền gốc là 60.566.000 đồng.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh N, buộc anh T và chị C cùng có nghĩa vụ trả cho

anh N số tiền vay gốc còn nợ là 60.566.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N yêu cầu anh T và chị C trả số tiền vay còn nợ là 39.134.000 đồng.

[8] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Anh T và chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.028.000 đồng. Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền không được chấp nhận là 1.956.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N đối với anh Trần Quốc T và chị Trần Kim C. Buộc anh Trần Quốc T và chị Trần Kim C cùng có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn N số tiền vay gốc là 60.566.000 đồng (Sáu mươi triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N đối với anh Trần Quốc T và chị Trần Kim C yêu cầu trả số tiền vay là 39.134.000 đồng (Ba mươi chín triệu một trăm ba mươi bốn đồng).

3. Về án phí: Anh Trần Quốc T và chị Trần Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.028.000 đồng. Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.956.000 đồng. Anh Nguyễn Văn N đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.492.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006348 ngày 09 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển thu án phí, anh Nguyễn Văn N được nhận lại số tiền 536.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly